

Số: /GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn M'Gallery Cát Bà 5 sao tại Bãi tắm Cát Cò 3, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải do Công ty Cổ phần Trường Bình Minh làm Chủ đầu tư;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 08/CVMT ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần Trường Bình Minh và hồ sơ kèm theo

Văn bản số 1508/TBM-UBNDTP ngày 25 tháng 8 năm 2025 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 506 /TTr-SNNMT ngày 27 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Trường Bình Minh, địa chỉ tại Số 11/5 Phù Đồng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (nay là phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khách sạn M’Gallery Cát Bà 5 sao”, địa chỉ tại Bãi tắm Cát Cò 3, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng với nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khách sạn M’Gallery Cát Bà 5 sao.

1.2. Địa điểm hoạt động: Bãi tắm Cát Cò 3, đặc khu Cát Hải.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0200457435 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 03 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 0200457435.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích:

+ Khu I: diện tích 4.694 m², bao gồm: công trình khách sạn 11 tầng nổi, 02 tầng hầm, 01 tầng mái + tum; bể bơi người lớn; bể bơi trẻ em; Nhà thay đồ; quầy bar ngoài trời; bãi đỗ xe; kè đá chắn sóng; sân đường giao thông nội bộ; cây xanh cảnh quan; đất mặt nước.

+ Khu II: Quầy bar ngoài trời 41,6 m², nhà tắm tráng 85 m².

- Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Quy mô công suất: 121 phòng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Trường Bình Minh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Trường Bình Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 06 năm (theo đề xuất của Chủ cơ sở)

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 01 tháng 01 năm 2032).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải;
- Công ty Cổ phần Trường Bình Minh;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Cổng thông tin điện tử TP (để đăng tải công khai Giấy phép môi trường);
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Quân

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày ... tháng... năm
2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Tại khu I (giai đoạn I):

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu khu vực nhà vệ sinh; nước thải từ bồn rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động giặt là.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động súc rửa hệ thống lọc áp lực của 03 bể bơi.

+ Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động súc rửa bồn lọc của hệ thống xử lý nước cấp.

+ Nguồn số 05: Nước thải từ hoạt động xả đáy của 02 nồi hơi đốt dầu DO.

- Tại khu II (giai đoạn II):

+ Nguồn số 06: Nước thải từ hoạt động nhà tắm tráng, quầy bar ngoài trời.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Vùng biển ven bờ thuộc Bãi tắm Cát Cò 3, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại điểm thải cuối cùng, trước khi xả thải vào khe núi phía Tây Nam khách sạn Khu I.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2291949.919$; $Y(m) = 635058.292$
(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất: $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm cưỡng bức theo đường ống nhựa PVC D90 xả thải vào khe núi phía Tây Nam khách sạn Khu I, sau đó tự chảy vào vùng biển ven bờ thuộc Bãi tắm Cát Cò 3, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn

Kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết

bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Khu I (giai đoạn I):

+ Nguồn số 01: Nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải bếp ăn được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ sau đó cùng với nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn theo đường ống tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động giặt là được thu gom, xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải giặt là công suất 45 m³/ngày đêm, sau đó được bơm theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa vật liệu lọc của hệ thống lọc áp lực bể bơi được bơm theo hệ thống đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa vật liệu lọc của hệ thống xử lý nước cấp được bơm theo hệ thống đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 05: Nước thải từ xả đáy nồi hơi được bơm theo đường ống nhựa chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

- Khu II (giai đoạn II):

+ Nguồn số 06: Nước thải từ nhà tắm tráng, quầy bar ngoài trời được thu gom vào bể trung chuyển sau đó được bơm theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại 03 ngăn: 02 bể, tổng dung tích 90 m³. Quy trình thu gom, xử lý sơ bộ: nước thải tại bồn cầu của các nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

- Bể tách mỡ 03 ngăn: 01 bể tách mỡ, dung tích 4,0 m³. Quy trình thu gom, xử lý sơ bộ: nước thải tại bếp ăn → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải giặt là:

+ Quy trình thu gom, xử lý sơ bộ: Nước thải từ hoạt động giặt là → Bể điều hoà → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

+ Công suất: 45 m³/ngày đêm

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, HCl (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Nước thải → Bể tách dầu → Bể điều hoà → Bể xử lý thiếu khí → Bể xử lý hiếu khí (Biochip) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Bể chứa nước thải sau xử lý → Khe núi phía Tây Nam khách sạn Khu 1 → Vùng biển ven bờ thuộc bãi tắm Cát Cò 3, đặc khu Cát Hải, Hải Phòng. Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ đã được đào tạo, tập huấn về chuyên môn để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã được xây dựng.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống công nghệ, máy móc, thiết bị; kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Máy móc trong hệ thống xử lý nước thải được thiết kế theo nguyên tắc hoạt động luân phiên (1 máy chạy, 1 máy dự phòng). Lập kế hoạch mua sắm thiết bị dự phòng để sẵn sàng thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, trong quá trình sửa chữa, nước thải từ các nguồn phát sinh sẽ chảy về hệ thống xử lý nước thải và được lưu giữ tạm thời tại các bể xử lý. Trường hợp sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục ngay, và các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa, sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải từ các bể để xử lý theo quy định; không xả nước thải xử lý chưa đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1) ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng các quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung gồm: lưu lượng (đầu vào, đầu ra); các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh. Thực hiện chuyển giao bùn thải cho đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

3.4. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6. Thực hiện giám sát định kỳ chất lượng nước thải với tần suất 01 lần/năm theo đúng cam kết của Chủ cơ sở.

Phụ lục 2**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....
năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

(QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

(QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Các máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật.
- Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo máy móc luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-UBND ngày tháng.....
năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	6,0
2	Pin thải	16 01 12	Rắn	NH	40,0
Tổng					46

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Bùn thải bể tự hoại	1,0 tấn/tháng
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	8,8 tấn/tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 7 tấn/tháng.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	KS	8,0
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, than hoạt tính thải	18 02 01	Rắn	KS	90
Tổng					98

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho.
- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 12 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: không bố trí riêng kho/khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Bùn thải được lưu giữ tại bể tự hoại, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước; đơn vị có chức năng trực tiếp hút bùn tại bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Kho/khu vực lưu chứa: 01 kho rác khô diện tích 12 m²; 01 khu vực tập kết rác thải sinh hoạt, diện tích 12 m².

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-UBND ngày tháng..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn M'Gallery Cát Bà 5 sao, cụ thể như sau:

1. Đầu tư xây dựng khách sạn M'Gallery Cát Bà 5 sao – giai đoạn II tại Khu II với diện tích sử dụng đất là 9.737,3 m², gồm các hạng mục:

- Hạng mục công trình chính: Xây mới 01 công trình khách sạn gồm 04 khối nhà, mỗi khối 9 tầng và 01 tầng mái, quy mô 125 phòng, chiều cao đỉnh mái là 34,2 m, các khối được nối thông với nhau bằng hành lang. Công trình có diện tích đất xây dựng là 2.110,0 m² và tổng diện tích sàn là 14.363,0 m².

- Các hạng mục công trình phụ trợ:

+ Xây mới Nhà lễ tân cao 3 tầng, diện tích xây dựng 40 m², diện tích sàn là 120 m².

+ Xây mới bể bơi ngoài trời, diện tích 990 m², gồm khu vực bể bơi trẻ em diện tích 300 m² và khu vực bể bơi người lớn 690 m².

+ Phá dỡ quầy bar ngoài trời diện tích 41,6 m², sau đó xây mới quầy bar ngoài trời diện tích 150 m², cao 1 tầng.

+ Nâng cấp, mở rộng nhà tắm tráng diện tích 85 m² lên 200 m², cao 2 tầng, diện tích sàn 400 m².

+ Phá dỡ nhà bảo vệ diện tích 39,6 m², nhà kho diện tích 49,3 m².

+ Hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ

thống thoát nước thải, hệ thống chống sét, hệ thống chiếu sáng, thông tin liên lạc, hệ thống thông gió, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống thoát hiểm, hệ thống thang máy, khu vực để xe, khuôn viên cây xanh.

- Các hạng mục bảo vệ môi trường: 04 Bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 22,5 m³/bể; 01 Bể tách dầu mỡ 3 ngăn, dung tích 4,0 m³; 01 Bể tách cát 3 ngăn, dung tích 6,0 m³.

2. Sau khi hoàn thành xây dựng các công trình nêu trên, Chủ cơ sở có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; các quy định về quản lý chất thải nhựa tại cơ sở lưu trú du lịch; các quy định về quản lý, bảo vệ Danh lam thắng cảnh Quần đảo Cát Bà. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, sự cố đuối nước theo quy định hiện hành, đảm bảo việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3. Cơ sở có 06 ống thải khí không thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường (gồm: 01 ống thải nhà bếp, 01 ống thải hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, 01 ống xả khí thải nồi hơi đốt dầu DO, 02 ống xả khí thải máy phát điện dự phòng và 01 ống thông hơi của bể tự hoại). Chủ Cơ sở có trách nhiệm vận hành hệ thống thu gom, xử lý mùi nhà bếp, mùi hệ thống xử lý

nước thải, ống thông hơi bể tự hoại, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; sử dụng nhiên liệu vận hành nồi hơi, máy phát điện đảm bảo chất lượng cam kết.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
